

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác
2. Ông Trương Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX-ST ngày 13/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31a/2022/QĐST-DS ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị V (Có đơn xin xét xử vắng mặt), sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu T (Vắng mặt), tên gọi khác: Phạm Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Hồng H (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Do có mối quan hệ mua bán thân tình trước đó nên đến năm 2020, bà V có bán cho bà T phân bón hoặc cho bà T ứng tiền bán cả phê nhân trước rồi trả cả phê sau, cụ thể: ngày 25/2/2020 nợ cũ còn: 22.650.000 đồng sau đó mua thêm 7 tạ phân giá 840.000 đồng = 5.880.000 đồng; ngày 31/5/2020 vay 11.550.000

đồng; ngày 26/6/20 bà T bán 1.200 kg cà phê nhân ứng trước tiền; ngày 27/9/2020 mua 1.200 kg phân bón với giá tiền 14.040.000 đồng và còn nợ số tiền 14.400.000 đồng; ngày 23/11/2020 bà T tiếp tục vay bà V số tiền 1.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại tòa án, bà V xin rút lại yêu cầu bà T phải trả số tiền mua phân bón 14.400.000 đồng và số tiền đã ứng trước 1.000.000 đồng; tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà V đã xin được rút yêu cầu bà T phải trả số phân bón mua ngày 27/7/2020 với số tiền 10.770.000 đồng. Tổng cộng bà V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện bà T phải trả số tiền là 26.170.000 đồng.

Bà V yêu cầu bà T phải trả cho bà tổng số tiền còn lại là 54.120.000 đồng và 1.200 kg cà phê nhân xô.

Đối với bị đơn (bà Phạm Thị Thu T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Cao Hồng H): Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị Thu T và ông Cao Hồng H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T và ông Hào vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, bà Phạm Thị Thu T và ông Cao Hồng H không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V (nguyên đơn). Buộc bà Phạm Thị Thu T (bị đơn) phải trả cho bà Phan Thị V số tiền 54.120.000 đồng và 1.200 kg cà phê nhân xô. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Phan Thị V buộc bà Phạm Thị Thu T phải trả số tiền 26.170.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu T phải nộp 5.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.260.000 đồng theo biên lai số 0000847 ngày 06/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Thu T (Phạm Thị T) phải trả số tiền 54.120.000 đồng và 1.200 kg cà phê nhân xô phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản (phân bón và cà phê nhân) đã giao kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phạm Thị Thu T (Phạm Thị T) có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn để có mặt tại phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[4]2.1. Về số tiền 54.120.000 đồng và 1.200 kg cà phê nhân xô:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc giấy mua bán phân bón, cà phê vào các ngày 25/2/2020, 31/5/2020 và 27/9/2020 có chữ ký xác nhận của bà Phạm Thị Thu T (Phạm Thị T). Xét thỏa thuận theo hợp đồng mua bán phân bón, cà phê vào các ngày 25/2/2020, 31/5/2020 và 27/9/2020 của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình đã vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định:

*“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán
....”*

Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến triệu tập để lấy lời khai, công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc công khai chứng cứ cũng như các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T và ông H vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp các chứng cứ chứng minh để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 54.120.000 đồng và 1200 kg cà phê nhân xô từ các giao dịch mua bán tài sản (phân bón và cà phê nhân xô).

[5]2.2. Về số tiền 26.170.000 đồng: Đây là số tiền phát sinh từ giao dịch mua bán tài sản (phân bón) vào ngày 27/9/2020, ngày 27/7/2020 và ngày 23/11/2020. Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án bà V yêu cầu bà T phải trả số tiền này. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Tòa án bà V đã xin rút yêu cầu bà T phải trả số tiền 15.400.000 đồng và tại đơn xin xét xử vắng mặt bà V tiếp tục xin rút yêu cầu bà V phải trả số tiền 10.770.000 đồng. Như vậy, bà V đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với tổng số tiền là 26.170.000 đồng; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà V là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của bà V.

[6]3. Đối với Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ: Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn không hợp tác và việc Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết cho việc thi hành án sau này nên cần tiếp tục duy trì Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

[7]4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm với

số tiền là 5.610.000 đồng (5% của số tiền 54.120.000 đồng và 1200 kg cà phê nhân xô theo giá cà phê được công bố ngày 31/8/2022 là 48.400 đồng/kg).

[8]Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V (nguyên đơn) đối với bà Phạm Thị Thu T (Phạm Thị T, bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Buộc bà Phạm Thị Thu T phải trả cho bà Phan Thị V số tiền 54.120.000 đồng (*Năm mươi tư triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*) và 1200 kg (*Một nghìn hai trăm ký*) cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V yêu cầu bà Phạm Thị Thu T phải trả số tiền 26.170.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu T phải nộp số tiền 5.610.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.260.000 đồng (*Ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0000847 ngày 06/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng